

Số: 06 /2020/QĐST-KDTM

Mỹ Đức, ngày 18 tháng 9 năm 2020

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 463; Điều 466; Điều 467, 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội về án phí, lệ phí Tòa án.

Căn cứ vào biên bản hoà giải thành ngày 10 tháng 9 năm 2020 về việc các đương sự thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án KDTM thụ lý số: 11/2020/TLST-DS ngày 14 tháng 8 năm 2020.

XÉT THẤY:

Các thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hoà giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; nội dung thỏa thuận giữa các đương sự không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự:

- *Nguyên đơn*: **Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh V (VP bank)**

Địa chỉ: Số 89 Láng H, phường Láng H, quận Đống Đ, TP. Hà N

Đại diện theo pháp luật: Ông Ngô Chí Dg – Chức vụ: Chủ tịch HĐQT.

Đại diện theo ủy quyền đứng đơn khởi kiện: Ông Phạm Tuấn Anh – Phó giám đốc trung tâm pháp luật ngân hàng, SME và cá nhân, VP bank hội sở. (theo văn bản ủy quyền số 11/2018/UQ-HSSQT ngày 02/3/2018.

Đại diện theo ủy quyền tham gia tố tụng: Ông Đỗ Văn Kiều chuyên viên xử lý nợ. (Theo văn bản ủy quyền số 7186/2019/UQ-VPB ngày 31/12/2019 của Phó giám đốc trung tâm pháp luật ngân hàng, SME và cá nhân, VP bank hội sở)

- *Bị đơn*: **Công ty cổ phần xuất nhập khẩu dệt may Hoàng M**

Đại diện theo pháp luật ông Hoàng Tiến Q; chức vụ: Giám đốc

Địa chỉ trụ sở: Đội, thôn Th, Phùng X, huyện Mỹ Đ, TP. Hà N.

2. Sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1. Về khoản vay: Các bên đều thống nhất thừa nhận:

Công ty cổ phần xuất nhập khẩu dệt may Hoàng M có ký hợp đồng vay vốn với Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh V theo hợp đồng vay từng lần số 241017-4126538-01-SME, phụ lục hợp đồng số 01/PLHĐ ngày 26/10/2017 và khế ước nhận nợ kèm theo, Công ty cổ phần xuất nhập khẩu dệt may Hoàng M (gọi tắt là Công ty Hoàng M) vay vốn tại VP Bank –Số tiền vay: **500.000.000 đồng** Thời hạn vay: 36 tháng; Lãi suất theo thỏa thuận và có điều chỉnh; Mục đích vay: Bổ sung vốn kinh doanh;

-Biện pháp bảo đảm cho khoản vay trên là hợp đồng bảo lãnh số 241017-4126538-01-SME/HĐBL ngày 26/10/2017 người bảo lãnh là ông Hoàng Tiến Q bằng tài sản của mình bảo lãnh vô điều kiện và không hủy ngang cho bên được bảo lãnh là Công ty Hoàng M thực hiện toàn bộ nghĩa vụ phát sinh từ hợp đồng và phụ lục hợp đồng nói trên và các hợp đồng, văn bản tín dụng khác ký giữa Công ty Hoàng M và VP bank bao gồm cả các phụ lục, văn bản sửa đổi bổ sung, các khế ước nhận nợ và văn bản liên quan.

-Quá trình thực hiện hợp đồng công ty Hoàng M đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ và chuyển lãi quá hạn, Tính đến ngày 10/9/2020 khoản vay của Công ty Hoàng M còn nợ VP bank là: **861.465.782** đồng trong đó: Nợ gốc: 430.500.000 đồng; Lãi trong hạn: 16.396.438 đồng, lãi quá hạn 414.569.344 đồng. Ngân hàng không yêu cầu phạt chậm trả.

2.2. Về phương án trả nợ: Các bên thống nhất thỏa thuận:

Công ty Hoàng M phải thực hiện nghĩa vụ thanh toán cho VP bank số tiền tạm tính đến ngày 10/9/2020 bao gồm cả gốc và các khoản lãi **861.465.782** đồng. (tám trăm sáu mươi một triệu, bốn trăm sáu mươi lăm nghìn, bảy trăm tám hai đồng).

Kể từ ngày 11/9/2020. Công ty Hoàng M vẫn phải chịu lãi phát sinh theo mức lãi suất đã thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng đã ký kết trên khoản dư nợ gốc cho đến khi tất toán toàn bộ khoản nợ.

2.3 Khi bản án quyết định có hiệu lực pháp luật, nếu Công ty Hoàng M không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ thanh toán khoản nợ trên cho VP bank thì ông Hoàng Tiến Q có nghĩa vụ trả nợ thay, trường hợp ông Quý cũng không trả nợ được thì ngân hàng này có quyền yêu cầu cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền tiến hành xác minh, kê biên thu giữ các tài sản thuộc quyền sở hữu

của công ty Hoàng M và của ông Hoàng Tiến Q để phát mại thanh toán cho khoản nợ trên.

2.4. Phía Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh V và bên bị đơn thống nhất rút yêu cầu đối với ông Hoàng Tiến Á về việc bảo lãnh của ông Á đối với khoản vay trên của Công ty Hoàng M theo hợp đồng bảo lãnh số 241017- 4126538-01-SME/HĐBL ngày 26/10/2017. Chỉ yêu cầu Công ty Hoàng M và ông Quý thực hiện bảo lãnh theo hợp đồng bảo lãnh số 241017- 4126538-01-SME/HĐBL ngày 26/10/2017 đã ký kết.

2.5. Về án phí: Bị đơn tự nguyện chịu toàn bộ án phí KDTM sơ thẩm số tiền là: **19.229.315** đồng (Mười chín triệu, hai trăm hai mươi chín nghìn, ba trăm mười lăm đồng).

- Hoàn trả cho Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh V số tiền 15.877.000 đồng đã nộp tạm ứng án phí theo biên lai số 02884 ngày 14 tháng 8 năm 2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Mỹ Đức.

3. Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

4. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- *Đương sự;*
- *VKSND huyện Mỹ Đức;*
- *Lưu hồ sơ vụ án.*

THẨM PHÁN

Bùi Thị Hồng

Hướng dẫn sử dụng mẫu số 38-DS:

- (1) Ghi tên Tòa án nhân dân ra quyết định công nhận sự thoả thuận của các đương sự; nếu là Tòa án nhân dân cấp huyện, thì cần ghi rõ Tòa án nhân dân huyện nào thuộc tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương nào (ví dụ: Tòa án nhân dân huyện X, tỉnh H), nếu là Tòa án nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương, thì ghi rõ Tòa án nhân dân tỉnh (thành phố) đó (ví dụ: Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội).
- (2) Ô thứ nhất ghi số, ô thứ hai ghi năm ra quyết định (ví dụ: Số: 02/2017/QĐST-KDTM).
- (3) Ghi số ký hiệu và ngày, tháng, năm thụ lý vụ án (ví dụ: Số 50/2017/TLST-KDTM).
- (4) Ghi họ tên, tư cách đương sự trong vụ án, địa chỉ nơi cư trú và nơi làm việc của các đương sự theo thứ tự như hướng dẫn cách ghi trong mẫu bản án sơ thẩm.
- (5) Ghi đầy đủ lần lượt các thoả thuận của các đương sự về từng vấn đề phải giải quyết trong vụ án đã được thể hiện trong biên bản hoà giải thành (kể cả án phí).